

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 15-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1); địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám Đ;

Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Minh T, sinh năm 1972; chức vụ Phó trưởng phòng G (theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2023 của Giám Đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh A phòng G) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Néang Chanh Đ1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông **Lê Minh T** trình bày:

Giữa **Ngân hàng TMCP S (S1)** với bà **N Chanh Đa** có ký kết hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1927400756 ngày 01/10/2019 theo đó Ngân hàng cho bà **Chanh Đa** vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; lãi thỏa thuận 09%/năm, ngày nhận nợ 01/10/2019, ngày đáo hạn là 01/10/2024; phương thức trả lãi và vốn hàng tháng. Từ khi nhận nợ đến nay bà **Chanh Đa** chỉ trả được số tiền vốn lãi là 188.537.911 đồng, hiện còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn lãi đến ngày 15/8/2024 là 30.462.962 đồng (vốn gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 10.462.962 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu bà **Néang Chanh Đa** phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi, tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 30.462.962 đồng (vốn gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 10.462.962 đồng) và tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt hết toàn bộ số tiền vốn lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà **Néang Chanh Đa** vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn không chấp hành dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Tòa án Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 17 tháng 11 năm 2023 **Ngân hàng TMCP S (S1)** có đơn khởi kiện yêu cầu bà **N Chanh Đa** có địa chỉ tại **tổ A, khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang** thanh toán số tiền vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1927400756 ngày 01/10/2019. Đây là vụ án phát sinh trên cơ sở tranh chấp hợp đồng dân sự “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024 và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 01/10/2019 **Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1)** có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1927400756 ngày 01/10/2019 cho bà **N Chanh Đa** vay

số tiền 150.000.000 đồng để tiêu dùng, thời hạn vay 05 năm chia làm 60 kỳ trả nợ hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 31/10/2019, ngày đáo hạn là 01/10/2024, số tiền trả mỗi kỳ là 3.625.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 9%/năm.

Thực hiện hợp đồng, ngày 01/10/2019 nguyên đơn đã giải ngân chuyển giao cho bị đơn đầy đủ số tiền vay 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết được bị đơn ký xác nhận tại mục bên vay, người nhận tiền trong Hợp đồng tín dụng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1927400756 ngày 01/10/2019. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện; mục đích, hình thức, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện.

#### [2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ:

Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận vay dưới hình thức trả nợ hàng tháng được phân làm 60 kỳ, thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 31/10/2019 đến ngày 01/10/2024 là đáo hạn khoản vay, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 3.625.000 đồng, bị đơn chỉ trả được nợ gốc số tiền vốn lãi là 188.537.911 đồng tương đương 53 kỳ và còn nợ lại là 07 kỳ. Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng có thực hiện thông báo cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng lãi suất vay trong hạn 9%/năm. Việc tính lãi theo bảng kê do Ngân hàng lập và nộp gồm tổng cộng vốn và lãi là: 30.462.962 đồng (vốn 20.000.000 đồng và lãi 10.462.962 đồng) đồng là chính xác, đúng với thỏa thuận giữa các bên nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 30.462.962 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền được tính đến ngày 15/8/2024 như sau:

- + Về tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng;
- + Về tiền nợ lãi trong hạn: 6.750.000 đồng;
- + Về tiền nợ lãi quá hạn: 3.712.962 đồng;

Tổng cộng vốn lãi là: 30.462.962 đồng (ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1927400756 ngày 01/10/2019 được ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1)** với bà **Néang Chanh Đ1**.

#### 3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, theo mức án phí có giá ngạch là 5% của số tiền 30.462.962 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1)** đối với bà **Néang Chanh Đ1**.

Buộc bị đơn bà **Néang Chanh Đ1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S (S1)** số tiền là 30.462.962 đồng (ba chục triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1927400756 ngày 01/10/2019 được ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1)** với bà **Néang Chanh Đ1**.

2. Về án phí:

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1)** số tiền 833.000 đồng (tám trăm ba mươi ba ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012119 ngày 01/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà **Néang Chanh Đ1** phải chịu 1.523.000 đồng (một triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn đồng) (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hùng**

